

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-KTKT, ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)

Tên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Mã ngành: 6810101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các khoa học liên quan ứng dụng trong du lịch.

- Hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh du lịch nói chung, du lịch lữ hành nói riêng.

- Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của khoa học du lịch. Nhận biết, phân tích và so sánh được các mô hình du lịch lữ hành, lưu trú, nhà hàng, khu du lịch, vui chơi giải trí để phục vụ du khách.

- Vận dụng tốt các qui định và nguyên tắc an toàn an ninh trong công việc phục vụ khách hàng theo đúng pháp luật của Nhà nước.

- Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học công nghệ, luật pháp trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

1.2.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng điều hành các hoạt động kinh doanh trong du lịch và lữ hành: thực hiện thiết kế, tổ chức và điều hành một tour du lịch trọn gói; tham gia tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu marketing và hành vi - tâm lý du khách; lập phương án kinh doanh cũng như hoạch định kế hoạch kinh doanh du lịch cho cơ sở.

- Điều phối công việc và giám sát hoạt động của ca làm việc, tổ, nhóm trong công ty du lịch và các khu vui chơi giải trí; phân tích được tâm lý khách hàng trong công ty du lịch và các khu vui chơi giải trí nhằm cải tiến dịch vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

- Có các kỹ năng mềm như: làm việc độc lập; làm việc theo nhóm và với cộng đồng; giao tiếp và truyền đạt thông tin; hoạt náo; thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề; quản lý và lãnh đạo nhóm; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ (phải có chứng chỉ A trở lên đối với tin học và ngoại ngữ) để đảm bảo phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, trách nhiệm công dân, văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

- Tuân thủ qui định đạo đức trong các lĩnh vực lưu trú, ẩm thực, lữ hành và các loại hình vui chơi giải trí như: trung thực, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo mật thông tin khách hàng và doanh nghiệp.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể làm việc trong các khu du lịch vui chơi giải trí, các cơ quan quản lý về du lịch, công ty du lịch lữ hành và các cơ sở giáo dục về du lịch. Cụ thể như:

- + Hướng dẫn viên du lịch.
- + Quản lý khu vui chơi giải trí.
- + Nhân viên trong các cơ quan quản lý du lịch và các cơ sở đào tạo du lịch.
- + Nhân viên tổ chức sự kiện.
- + Nhân viên điều hành, kinh doanh trong các công ty du lịch và lữ hành, nhà hàng và khách sạn.

- Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học liên thông lên bậc trình độ cao hơn cùng ngành.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 34 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1440 giờ (60 TC)
- Khối lượng lý thuyết: 765 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1110 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)	
				Trong đó

			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC108	Giáo dục Chính trị 1	2	30	20	8	2
CMC205	Giáo dục chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC109	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
CMC207	Tiếng Anh 2	3	75	27	44	4
CXH101	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
II	Các môn học chuyên môn	60	1440	541	855	44
II.1	Môn học cơ sở	12	210	139	60	11
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
CKD205	Nguyên lý thống kê	2	45	13	30	2
CDL102	Tổng quan du lịch	3	45	43	0	2
II.2	Môn học chuyên môn	37	915	318	570	27
CDL408	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	45	13	30	2
CDL201	Lịch sử văn hóa Việt Nam	2	30	28	0	2
CDL301	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam	2	45	13	30	2
CDL502	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	30	28	0	2
CDL304	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	45	13	30	2
CDL303	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	30	28	0	2
CDL405	Quản trị dịch vụ và du lịch	2	30	28	0	2
CDL403	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	45	13	30	2
CDL404	Nghiệp vụ thanh toán du lịch	2	30	28	0	2
CDL401	Anh văn du lịch	3	45	42	0	3
CDL202	Luật du lịch	2	30	28	0	2
CDL402	Marketing du lịch	2	30	28	0	2

CDL505	Du lịch sinh thái	2	30	28	0	2
CDL506	Thực tập doanh nghiệp 1	7	315	0	315	0
CDL601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
II.3	Môn học tự chọn	6	90	84	0	6
CDL409	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	30	28	0	2
CDL407	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	0	2
CDL503	Quản trị tổ chức sự kiện-lễ hội	2	30	28	0	2
CDL302	Du lịch bền vững	2	30	28	0	2
CDL410	Quản trị bán hàng	2	30	28	0	2
CDL504	Quy hoạch du lịch	2	30	28	0	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng		80	1875	698	1110	67

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG